

TRUYỀN THUYẾT VÀ NHỮNG DI VẤN QUANH NGÔI CHÙA CỔ Ở MỘT LÀNG QUÊ THÁI BÌNH

MAI HỒNG^(*)

I. TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN

Qua chuyến đi điền dã gần đây, chúng tôi được biết một ngôi chùa cổ tên là Đại Bi (còn có tên là chùa Cả) thuộc thôn Hữu, xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (thời Lê-Mạc là xã An Lạc, thời cổ xưa gọi là trang Cổ Bến, làng Lác, tổng An Lạc, huyện Thần Khê, phủ Tiên Hưng (Tân Hưng), đạo Sơn Nam, trấn Sơn Nam - Sơn Nam Hạ).

Phủ Tiên Hưng gồm cả huyện Diên Hà và huyện Thần Khê, từ rất sớm nổi tiếng là "địa linh" sinh nhiều người tài. Chả thế mà thời Trần Thái Tông đặt tên cho phủ này là phủ Long Hưng (phủ Rồng dậy, nhà Trần dấy nghiệp), huyện Diên Hà gọi là Ngự Thiện (đất vua ở), Diên Hà (ven sông), Tiên Hưng gọi là Thần Khê (thần sông nước). Địa linh sinh nhân kiệt nên dân gian truyền tụng mãi câu ca:

Nếu là con mẹ con cha

Thời sinh ra đất Diên Hà Thần Khê.

Một miền đất đã sản sinh ra nhiều nhân vật văn thân võ tướng, những anh hùng trận mạc và những anh hùng văn hóa như: Nữ Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ tài hoa, vợ quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi (danh nhân Văn hóa Thế giới); Trạng nguyên Phạm Đôn Lễ, cụ Bàng

Đôn - Lê Quý Đôn nhà bác học nổi danh bậc nhất thời phong kiến nước ta ở vào thế kỉ XVIII; Kỳ Đồng - Nguyễn Văn Cẩm ở làng Ngọc Đình, v.v...

An Lạc thuộc huyện Thần Khê cũng là nơi "địa linh" như thế. Ở đó có một ngôi chùa cổ Đại Bi (nghĩa là lòng lành, đại từ, đại bi và bác ái) rất tôn nghiêm và nhiều linh dị qua các truyền thuyết và các di văn Hán Nôm ở đây.

Trước hết, chúng tôi xin được giới thiệu qua truyền thuyết về ngôi chùa Đại Bi cổ kính này. Theo các tài liệu ở địa hương cho hay, chùa Đại Bi được khởi dựng thời nhà Trần do công sức và tiền của bà phi của Trần Anh Tông tên là Nguyễn Thị Thuận. Về Nguyễn Thị Thuận nay còn thấy chép ở bia họ Nguyễn ở thôn An Vĩnh, xã Mê Linh nhan đề: *Khắc gia phả thạch*. Cha mẹ bà chỉ sinh được mình bà. Thuở nhỏ, bà hay đau ốm quặt quẹo, cha mẹ cảm thấy khó nuôi bèn đem gửi bà cho người bạn họ Trần ở lộ Kiến Xương đỡ đầu mang tên là Trần Thị Thuận. Tới khi trưởng thành, bà là một người con gái có nhan sắc và hiền thực được vua Trần Anh Tông vời vào cung tuyển làm phi và uỷ thác cho

^{*} TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

chăm sóc Nhân Tông (Thái tử Trần Thuyên) từ thuở ấu thơ, đến khi Nhân Tông lên ngôi báu, tấn phong bà làm Hoàng Thái hậu tục gọi là Hoàng Thái hậu Hai. Sau khi quân dân nhà Trần chiến thắng quân Nguyên-Mông, Thái hậu trở về quê - đất lộc điền xây hai ngôi chùa, trong đó ngôi chùa thứ nhất ở quê cha là An Lạc (cổ xưa gọi là làng Lác). Vì quê ở làng Lác nên dân gian còn gọi Thái hậu là bà Chúa Lác, lại có tên là bà Chúa Ngăn, chỗ bà ở xưa là vườn chè năm mẫu. Bà có nhiều ruộng đất vua cho làm lộc điền nên mới có lời ca:

Trên từ Đùn Vải Hồ khoai,

Dưới xuống Tuộc Lác Lo Lai làng Vàng.

Đô Kỳ Đô Cả bước sang,

Chiêng Tè Hời Gạo vách vong ứng rỗng.

Các địa danh trong lời ca ấy nay thuộc các địa phương: Thống Nhất, Bình Lăng huyện Hưng Hà; Phú Lương, Đô Lương, Mê Linh, An Châu, Lô Giang huyện Đông Hưng; Tây Đô, Đông Đô huyện Hưng Hà; Quỳnh Nguyên, Quỳnh Sơn, Quỳnh Châu, Quỳnh Bảo huyện Quỳnh Phụ. Làng Bi Mỹ Phúc Trung huyện Vũ Thư cũng là lộc điền của Thái hậu Nguyễn Thị Thuận. Chuyện kể rằng, khi Ngự Giác hoàng Nhân Tông sắp tịch diệt có nhiều phi tần muốn đến thăm ngài nên người ta cho xây cửa ngăn lối vào Yên Tử Ngọa Vân nơi vua ở. Trong khi có rất nhiều người bị ngăn lại, thì chỉ có 5 bà, trong đó có Thái hậu, do có lính gác là người quen nên mới được cho qua. Lúc qua cửa ngăn tới vườn chè năm mẫu, nghe tin vua đã viên tịch, cả 5 bà đều gieo mình tự vẫn. Vườn chè năm mẫu ở Đông Triều - Uông Bí ngày nay vẫn còn đến thờ năm bà.

Còn ngôi chùa thứ hai ở quê dương phụ làng Thọ Bi (nay thuộc xã Tân Phong, huyện Vũ Thư), cả hai ngôi chùa đều gọi tên là chùa Đại Bi (Đại Bi tự). Thái hậu gia tâm tô tượng và đúc 2 quả chuông to hình dấu gọi là Chuông Dấu, mỗi chùa một quả.

Theo truyền tụng của địa phương, khi khánh thành chùa Đại Bi, Thái hậu mời nhà sư Pháp Loa (vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm đạo Thiền nước ta) về lập Trai đàn để định vị nhang án Tam bảo đến mấy tháng liền. Kể từ ngày ấy, dân An Lạc được sống trong cảnh thanh bình, quốc gia vô sự, lại thêm có ngôi chùa thờ Phật nguy nga sầm uất, sớm chiều nghe tiếng chuông ngân nga khiến lòng người thanh thản, đậm đà tình làng nghĩa xóm. Nhưng cảnh tượng thanh bình ấy chẳng được bao năm thì lại xảy ra cuộc nội chiến giữa hai tập đoàn phong kiến Lê - Mạc, tiếp đến cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược 10 năm đầy gian khổ và khốc liệt, các di tích văn hóa đền chùa miếu mạo trong nước bị đốt phá thiêu hủy. Chùa Đại Bi cũng chịu chung một số phận với tình trạng điêu linh ấy của cả nước, đến khi chiến tranh chấm dứt thì chùa chỉ còn lại tro nền móng. Nhân dân An Lạc lại gia tâm khôi phục chùa Đại Bi do sự hướng đạo của Nghè Tân (tức Thái trung Đại phu Quốc tử giám Tế tửu Nguyễn Thành người bản xã, đỗ Thái học sinh dưới triều Hồ, đồng khoa với quan Thừa chỉ Nguyễn Trãi. Nguyễn Thành là người vinh dự đọc diếu văn trong buổi tang lễ Lê Thái Tổ. Nghè Tân hiện còn lăng mộ miếu thờ ở thôn An Vĩnh trong xã và bia đá kỉ niệm Nghè Tân hiện còn dựng ở nhà tưởng niệm ông trong khuôn viên chùa Đại Bi). Dấu ấn về

ngôi chùa (Đại Bi) nguy nga của thời Trần, Hồ, Lê Sơ đâu còn nữa. Chuông đồng chuông đồng và nhiều đồ thờ phụng nhiều bị thất lạc. Thế rồi một ngày kia dân làng bỗng vớt được quả chuông đồng nổi trên sông, ở thân chuông có dòng lạc khoản: chuông do bà Thái hậu thời Trần đúc. Nhân dân An Lạc lại phải xây gác chuông mới để treo chuông cũ. Từ đấy chùa Đại Bi có thêm tên mới là chùa Chuông. Tới khi xây móng gác chuông người ta lại đào được tấm bia đá đời Trần. Thế là Chuông Đẩu thời Trần, bia đá thời Trần, công đức của bà Thái hậu lại trở về với chùa Đại Bi của người An Lạc, đúng như câu chuyện "Châu về Hợp phố" thời xưa vậy. Sau đó ít lâu chùa Đại Bi được nhân dân An Lạc sửa chữa và nâng cao làm cho quy mô chùa khang trang hơn, xây cây đèn đá, các bậc thêm đá hoa ở lối lên xuống cửa chùa, đúc thêm mấy chục pho tượng đồng mới, tô lại các pho tượng cũ. Tượng cũ tượng mới đều được sơn son thếp vàng rực rỡ huy hoàng. Các tăng ni ở đây đã in ấn hàng ngàn bản kinh Phật để ban phát đi thập phương... Tất cả sự thăng trầm dựng xây tàn phá rồi lại tu tạo dựng xây của ngôi chùa Đại Bi suốt trong chặng đường lịch sử 700 năm đều được ghi chép đầy đủ ở 8 tấm bia thuộc thời Mạc và thời Lê Trung Hưng mà nay chúng ta còn thấy hiện diện ở trong chùa Đại Bi. Đặc biệt là 4 tấm bia thời Mạc mà bóng dáng của chúng còn thiếu vắng trong danh mục 155 tấm bia thời Mạc do trường Viễn Đông Bác cổ của Pháp ở Hà Nội đã sưu tầm trước đây, hiện được lưu trữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm.

II. VỀ 8 TẤM BIA ĐÁ TRONG CHÙA ĐẠI BI

Chúng tôi sẽ lần lượt giới thiệu các tấm bia ấy theo thứ tự lịch đại như sau:

Bia số 1: Nhan đề *Đại Bi tự bi kí* (Bia chùa Đại Bi). Bia do Tiến sĩ cập đệ khoa Bính Thìn niên hiệu Quang Bảo (1556) thời Mạc Tuyên Tông, Binh bộ Hữu thị lang kiêm ứng Vương phủ Triệu liệt Đại phu Đỗ Ưông⁽¹⁾ soạn. Trường tràng môn đệ của Bảng nhãn Đỗ Ưông chép chữ khắc bia năm Sùng Khang thứ 9 (1574) thời Mạc Mậu Hợp. Bia 2 mặt, kích thước 130cm x 79cm, 26 hàng chữ mỗi hàng trung bình 130 chữ.

Nội dung: Chép sự tích chùa Đại Bi. Chùa Đại Bi, xã An Lạc huyện Thần Khê quả đúng là danh lam bậc nhất của quận Tân Hưng (sau đổi là phủ Tiên Hưng). Ngày trước chùa vớt được một quả chuông đồng nổi ở sông, trên chuông có khắc dòng chữ Hoàng Thái hậu thời vua Trần Anh Tông (1290-1292) đúc. Tiếng chuông vang vọng rất xa, nay vẫn còn ghi ngày soạn bài minh chuông.

Mùa xuân năm Giáp Tuất, niên hiệu Sùng Khang thứ 7 (1572) xây gác chuông lại đào được tấm bia đá thời Trần, mặt bia không thấy chữ (có lẽ chữ bị rêu phong bào mòn). Đầu xuân năm ấy đúc tượng làm nhang án và mở hội lớn. Danh lam thắng cảnh cả nước ta so ra đâu cũng không bằng chùa nơi đây cả về vẻ đẹp và cả về sự linh dị nữa. Bởi bất được chuông nổi ở sông, đào được cả bia đá ở trong lòng đất, đó là do Thần Phật tạo ra. Và đó cũng là ý trời khởi phát tâm thiện cho mọi người mà tạo nên cái đẹp cho quốc gia.

Vậy nên làm điều nhân không phải chỉ là nhu cầu vật chất ở bên ngoài mà còn là sự đòi hỏi ở trong tâm hồn của chúng ta

1. Quan hệ giữa Bảng nhãn Đỗ Ưông cùng với Trạng nguyên Phạm Trán đã có một thiên giai thoại trong lịch sử khoa cử nước ta.

cũng phải là cái đẹp và sáng trong vậy.

Bia số 2: Tên là *Tân tạo Phật tượng Đại Bi* (Chùa Đại Bi đúc tượng Phật mới). Không ghi người soạn văn bia, còn người san khắc chữ bia là ông Nguyễn Bá, người xã Tây Am, huyện Vĩnh Lại vào ngày mùng một tháng 8 năm Hưng Trị thứ nhất (1588) đời vua Mạc Mậu Hợp. Bia 2 mặt kích thước 1m x 0,60m, 16 hàng chữ, mỗi hàng trung bình 24 chữ.

Nội dung: Ghi việc làm nhân tu đức của các sãi vãi chùa Đại Bi, xã An Lạc, huyện Thân Khê, phủ Tân Hưng vào ngày 27 tháng 12 năm Đoan Khánh thứ 2 (1587) đời vua Mạc Mậu Hợp đứng làm Hưng công Hội chủ đúc tác 16 pho tượng mới và tô lại 6 pho tượng cũ. Đến ngày 15 tháng 2 năm Đinh Hợi, công việc hoàn tất, các pho tượng cũ mới đều được sơn son thếp vàng óng ánh huy hoàng, mở hội mừng công. Đến ngày 15 tháng 8 năm ấy mua đá làm bia khắc chữ ghi công.

Bia số 3: Tên là *Tân tạo chung các bi minh kí* (Bài minh kí bia về việc tân tạo gác chuông chùa). Bia do Quốc tử giám Giám sinh Minh Luân đường Nguyễn Duy Thuần soạn, Nguyễn Bá người ở Tây Am huyện Vĩnh Lại san khắc chữ vào bia ngày 3 tháng 10 năm Hưng Trị thứ 2 (1589) thời vua Mạc Mậu Hợp. Bia 2 mặt. Khuôn khổ 1,75m x 0,75m, 24 hàng chữ, mỗi hàng 30 chữ.

Nội dung: Chép về việc xây dựng gác chuông Đại Bi là ngôi chùa Đại Bi cổ kính, ngày xưa nhân vớt được quả chuông nổi mà chùa có tên gọi là chùa Chuông. Chùa ở về phía đông có gác cao, nên chùa được liệt vào hạng danh lam bậc nhất ở nước Nam do các tăng ni đứng ra quyên góp tiền bạc trắng tiền bạc đổ xây đắp nên.

Nói về quy mô chùa Đại Bi cũng không lớn như Linh Sơn⁽²⁾, Quy Tàng⁽³⁾. Thế nhưng nơi đây là chốn đất đai phúc khánh dài lâu. Bởi lẽ nơi tôn linh phá đi rồi lại xây, bết tắc ắt lại hanh thông, càng vùi càng dập đi rồi sau lại dấy lên, cũng do non sông ta vẫn vĩnh tồn như xưa, nhưng dầu vũ trụ có đổi thay dầu bể gì thì vẫn như câu chuyện cổ Trung Quốc "Rừng bỏ đào mọc lại" (Bồ lâm tái châu⁽⁴⁾). Trước hết phải kể tới công của tăng ni dốc lòng xây đắp từ *không thành sắc*, từ *vô thành hữu*. Chùa có thêm gác chuông do con người tạo lập mà đẹp thêm, quy mô càng thêm rộng, tiện nghi lễ bái ngày càng sầm uất hơn xưa. Bởi nhờ có gác mà chuông cũng được tô điểm. Tiếng chuông vang vọng xa hơn, sớm chiều nghe tiếng ngân nga khiến lòng người thêm phấn chấn mà cũng đưa lại lạc phúc cho nhân quần thế thái.

Ở thời có từ bi, bác ái, có nghĩa có nhân thì từ chốn triều ca tới nơi đồng nội xóm thôn ai ai cũng đều hưởng cái phúc yên hàn: Vua buông tay rủ áo mà trị nước, triều thần an thân mà phụng sự; cha mẹ yên vui vì có con hiếu cháu hiền, anh em hòa thuận trên kính dưới nhường, vợ chồng hòa thuận, tổ thầy vui

2. *Linh Sơn*: Phật gia gọi Thấu Sơn là Thấu Linh Sơn. Linh Sơn là nơi Thích Ca Mâu Ni ở. Có một lần Thích Ca trong khi thuyết pháp bằng thị phạm cầm bông hoa vè vè trên tay (niết hoa) ngài thấy Ca Diếp mỉm cười mà đức Thế Tôn liền giao phó và phong cho là Chính pháp nhãn tạng.

3. *Quy tàng* (Quy tàng lục): Tức A-Hàm kinh của nhà Phật có chép: Có con rùa bị con thú tên là Dã Can ôm rít cả đầu đuôi rùa không cho nó thở. Sau Dã Can giận dữ buông cho rùa đi. Phật kể truyện cho các tỳ khưu nghe. Từ đây có Quy Tàng lục.

4. Đạo Phật ở Trung Quốc thời sơ kì cũng bị vùi dập bài xích nhưng sau khôi phục lại ở rừng bỏ đào một ngôi chùa nổi tiếng thời Đường.

về... tất thấy đều từ nhân nghĩa mà có.

Bia số 4: Nhan đề *Tân tạo thiết kinh dâng thiết luyện hoa thạch bệ Đại Bi* (Tân tạo cây đèn sắt và lát đá hoa bạc thêm chùa). Bia do Quốc tử giám Giám sinh khoa Bính Tý Nguyễn Duy Thuần soạn, do người ở Tây Am, Vĩnh Lại tên là Nguyễn Bá san khắc chữ dựng ngày 01 tháng 8 niên hiệu Hồng Ninh thứ 2 (1592) thời Mạc Mậu Hợp. Kích thước 0,90m x 0,60m, 24 hàng chữ, trung bình mỗi hàng 30 chữ.

Nội dung: Chép về sự kiện các sãi vãi ở chùa Đại Bi, xã An Lạc, huyện Thần Khê tạo tác cây đèn sắt, bệ đá hoa của chùa để thay thế cây đèn trước đây làm bằng gỗ đã bị hư hỏng. Chùa Đại Bi là ngôi chùa cổ, là một trong những danh lam vào bậc nhất nước Nam. Cảnh chùa vốn đã là một danh lam bậc nhất nhưng chưa kịp đúc chuông thì nay tình cờ bắt được quả chuông nổi ngoài sông, lại thêm cây đèn sắt, thêm cửa đá hoa đẹp đẽ. Đúng là những sự kiện trọng đại, là công đức lớn lao, góp thêm vào những chỗ còn thiếu khuyết bàn tay của tạo. Đèn trăm năm tỏa sáng, tượng Phật vàng son rực rỡ, bệ hoa xán lạn sớm chiều bên lầu đài chất ngất ngào ngạt mùi hương. ở cái thời kỹ nghệ rèn đúc, sắt thép chưa cao, mà chùa đã có cây đèn sắt mà sắt là kim. Vậy thì, kim mang ý nghĩa ngũ hành, 5 yếu tố cấu thành vũ trụ đi đầu ở chốn này. Chùa vốn mang tên Đại Bi là mở rộng lòng lành, làm việc nhân nghĩa. Từ bi còn mang ý nghĩa từ ái của đạo Nho. Từ bi, từ ái là việc làm ở thời vua nhân, bề tôi nhân nghĩa, cha từ con hiếu, anh nhường em kính, phu xướng phụ tùy (chồng hô vợ ứng). Đó cũng là những ứng xử rất mực thước của mọi người trong thường nhật.

Người làm phúc tích phúc là âm công thì ắt có dương báo, có phúc lành tới chẳng riêng gì đời mình hưởng mà muôn đời con cháu cũng được hưởng phúc lành.

Bia số 5: Tên là *Tạo Đại Bi tự hành lang lưỡng vu bi kỉ* (Tạo dựng hai hành lang (tả vu hữu vu) chùa Đại Bi). Bia do Cống sinh (Cử nhân) khoa Mậu Tý Thuần phu Nguyễn Duy Thuần soạn vào năm Quang Hưng thứ 17 (1594) đời vua Lê Thế Tông (Duy Đàm). Bia 2 mặt, kích thước 110cm x 70cm, 22 hàng chữ, trung bình mỗi hàng 34 chữ.

Nội dung: Chép về sự kiện các chức sắc quan viên lớn nhỏ ở xã An Lạc, huyện Thần Khê đứng dựng quyền góp công đức của nhân dân trong xã và thập phương để xây hai dãy hành (tả vu hữu vu) chùa và xây hai gian cánh gà cổng chùa Đại Bi.

Trong danh sách những người phát tâm công đức ấy thấy những 15 vị làm quan to, tước vị lớn, tước hầu tước bá. Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Cai quản vệ Triều Đông, Thụy Khê bá Nguyễn Ngọc Trân (hưu quan tại bản xã), Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Vạn hiệu Vệ quân Tri Xuyên hầu Nguyễn Quang Tiến (dưỡng cư bản xã); Quốc Tử giám Trung xá sinh Nguyễn Duy Thuần; Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Chấn Chương vệ Giảng Khê hầu Nguyễn Đình Thu; Đặc tiến Kim sự Ty quan cai vệ Triều Đông, Phù An bá Nguyễn Khắc Minh; Thư kí bản huyện Trung Nghĩa bá Trần Tông; Quan Cai quản huyện người bản xứ Triết Giang bá Trần Công Triều; Quan Cai quản địa phương Công Phú bá Nguyễn Văn Chương; Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Quản cai vệ Triều đông; Hùng Sơn bá Trần Văn Minh; Hữu

Sơn bá Nguyễn Như Quân; Nhi Kim bá Nguyễn Thế Hiệu; Liệt Sơn bá Phạm Toàn; Chánh tổng Nguyễn Quang Vũ cơ Phó tướng Thắng Đô công Mai Vinh, Quang Hoè, Thọ Xuân bá Nguyễn Duy An; Tập ấm Bảng Đông hầu Xã chính Nguyễn Khoan Nhân...

Bia số 6: Tên là *San kinh bi minh kí* (Bài kí về việc in kinh Phật) do Nguyễn Duy Thuần soạn và dựng bia vào ngày tiết Trùng dương năm Quang Hưng thứ 17 (1594) đời vua Lê Thế Tông. Bia 2 mặt, kích thước 110cm x 81cm, 23 hàng chữ, trung bình mỗi hàng 29 chữ.

Nội dung: Chép về sự kiện in Phật kinh tại chùa Đại Bi, xã An Lạc, tổng An Lạc, huyện Thần Khê, nêu rõ lí do chùa Đại Bi được in kinh Phật bốn là vì ở đây có Phật (tức vua Trần Nhân Tông), có Hoàng Thái hậu Hai Nguyễn Thị Thuận nuôi ngài khi còn là Hoàng tử Thuyên, bà đã dựng nên ngôi chùa Đại Bi. Khi khánh thành chùa, Hoàng Thái hậu Hai đã mời sư Pháp Loa (vị tổ thứ hai đạo Thiên Tông Trúc Lâm) về lập trai đàn. Chùa nhờ có Phật mà nổi tiếng, sư sãi nhờ có Phật mà lừng danh. Nhân đấy sư sãi ở đây họp nhau lại để in kinh bốn và in được nhiều kinh hơn các chùa tự khác để cống hiến cho thiên hạ.

Việc in kinh Phật của các sư sãi ở đây cũng là một việc thiện, là để quảng bá cái đức nhân nghĩa cho quảng đại chúng sinh, khiến họ tự ngộ mà hướng tới chỗ chí thiện trong cuộc sống.

Bia số 7: Tên là *Đại Bi tự chú đồng Phật Bi* (Ghi việc đúc tượng đồng của chùa Đại Bi). Bia do Quốc tử giám Giám sinh Trung xá sinh Trúng thức khoa át Mão Tô Vũ Lan soạn văn bia vào ngày tốt

tháng 9 năm Vinh Tộ thứ nhất (1621) đời vua Lê Thần Tông. Bia 2 mặt, kích thước 110cm x 70cm. 30 hàng chữ, mỗi hàng trung bình 43 chữ.

Nội dung: Ghi việc đúc tượng Phật bằng đồng của chùa Đại Bi xã An Lạc, huyện Thần Khê, phủ Tiên Hưng (nay thuộc xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình).

Chùa Đại Bi là một thắng tích chế ngự cả một vùng sơn thủy Bắc Hà, từng là danh lam bậc nhất của nước Nam ta, bởi có chuông Đẩu vớt tự dưới sông lên, lại có bia chìm trong lòng đất khai quật lên được. Cảnh thắng ấy là do cơ trời tạo tác, là bởi đất ứng mà nên lâu đài nguy nga, gác điện lộng lẫy. An Lạc một vùng địa linh sinh nhân kiệt: tướng võ thân văn khoa danh lừng lẫy người trước kẻ sau kế tiếp đời đời. Đều do Thần Phật phù trì mà người gia tâm làm việc phúc lành: đúc cây đèn sắt, thêm lát đá hoa, làm thêm hương án làm chốn dâng hương Phật Thánh, in khắc kinh văn để lưu truyền ở đời. Đẩu đời Sùng Khang đã xây gác chuông ở Liên Bình để treo quả chuông vàng, kế đó dựng chùa Lan Châu, trồng lại cây to làm bóng mát cho dân sinh hóng gió lành; đào giếng, bắc cầu mở mang xây dựng chùa miếu đâu chỉ một nơi mà đã lên trên hàng chục. So với thời Hoàng Thái hậu (của Trần Thánh Tông) khởi tạo thì đã tăng gấp bội. Đặc biệt là đã có điện rồng càng thêm lộng lẫy nghiêm trang. Nơi tôn thờ ngày càng có nhiều kiểu dáng xinh đẹp và đông đặc san sát hơn xưa.

Tới đầu năm Tân Dậu các sãi vai lại phát tâm xuất gia tư để thu mua đồng tốt, để đến ngày 12 tháng 3 đúc xong

thêm 10 pho tượng đồng. Việc làm ấy không phải chỉ có ý nghĩa làm đẹp nhất thời mà còn để cho đời sau chiêm ngưỡng. Khiến họ nhìn vào đây nghĩ vào đây, sẽ thấy công đức của tiên nhân là vô bờ bến vậy. Đúng là người tích thiện sẽ được hưởng nhiều phúc lành. Không chỉ cho bản thân mà còn lưu truyền cho con cháu muôn đời được hưởng an lạc vinh hoa.

Bia số 8: Tên là *Hậu Phật bi kí* (Bia hậu Phật). Không ghi tên người soạn văn bia, bia dựng ngày 25 tháng 6 năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) đời Lê Huyền Tông. Bia 2 mặt, kích thước 1,00m x 0,50m, 24 hàng chữ, trong mỗi hàng có 30 chữ.

Nội dung: Bia 2 mặt: Mặt tiền là bức phù điêu tượng hậu Phật, người đã gia tâm công đức góp phần xây lại ngôi chùa Đại Bi, đó là bà Nguyễn Thị Huy. Mặt sau ghi việc các quan viên sắc mục xã An Lạc đứng làm Hội chủ quyên góp công đức của nhân dân bản xã và thập phương xây lại chùa Chuông, bấy giờ người bản xã là bà Nguyễn Thị Huy, hiệu là Từ Lăng bàn bạc cùng con cháu phát tâm cúng tiến 45 quan. Quan viên đem 45 quan tiền mua được 4 thửa ruộng với diện tích hơn 2 mẫu để làm ruộng hương hỏa cho nội tự. Bà Huy lại còn cúng tiến 3 mẫu ruộng nhà vào Tam bảo để xin làm hậu Phật. Nay toàn thể quan viên chức sắc trong xã họp mặt để chứng kiến công việc này. Các vị ấy đều có kí tên vào văn bản rồi khắc vào bia đá để lưu truyền vĩnh viễn đời đời vậy.

Ngoài 8 tấm bia ở chùa Đại Bi còn có 2 quả chuông: một đúc lại vào thời Minh Mệnh 20 (1839) vì chuông đầu đã bị Nguyễn Hữu Chính thu đi để đúc đạn dưới thời Trịnh và Tây Sơn, không rõ lí do gì đến năm Tự Đức 7 (1854) đúc lại

chuông. Hai quả chuông này hiện còn treo tại chùa, cây đèn đá (cây hương đá) dựng năm Chính Hòa thứ 25 (1704) thời vua Lê Hy Tông mà bia 1 niên hiệu Hồng Ninh 2 (1592) gọi là "Cây đèn sắt" và bia tưởng niệm quan Nghè Tân, tức Nguyễn Thành, húy là Quý Nha, thụy là Bồ Giản đỗ Thái học sinh khoa Canh Thìn triều Hồ (đồng khoa với Nguyễn Trãi), làm quan ở triều Mạc tới chức Thái trung Đại phu Đông các Đại học sĩ, Nhập thị kinh diên Quốc tử giám Tế tửu, Thái tử Tân Khách. Văn bia do Tú tài Hội trưởng Hội Tư văn, Phú Giáo trưởng huyện Thần Khê, người thừa tự hương hỏa họ Nguyễn của cụ Nghè ở An Lạc là Nguyễn Kim Quế soạn vào năm Chính Hoà thứ 15 (1694). Bia dựng tại nhà tưởng niệm quan Nghè Nguyễn Thành cùng trong sân chùa Đại Bi thôn Hữu xã Mê Linh. Lăng mộ miếu đền quan Nghè hiện ở thôn An Vinh bản xã. Văn bia còn tên tuổi chức tước một số người có quan hệ thân thuộc với quan Nghè như:

- Trung thư sảnh Khởi cư trú xã Trần Triều Á hi Đại phu Nguyễn Tốn Am (thân phụ quan Nghè).

- Quốc tử giám Giám viên Trí sĩ Hội trưởng Hội Tư văn phủ Tiên Hưng quán tại Tiên Lữ, Hưng Yên Đào Nhân Khê Tiên sinh (cũng là Thầy học của quan Nghè).

- Thần đồng học sinh của phủ Tiên Hưng, giáo thụ phủ Tiên Hưng Nguyễn Đạt Đạo (em họ của quan Nghè).

- Quốc tử giám Giám sinh Nguyễn Phục Đạo (em cụ Đạt Đạo)...

Một vài nhận xét về những bài văn bia này:

- Nếu tính từ thời Trần khi Hoàng Thái hậu Nguyễn Thị Thuận khởi dựng

chùa Đại Bi đến năm 2000 là 700 năm. Nếu tính từ bài văn bia đầu tiên ở thời Lê - Mạc vào năm Sùng Khang 9 (1574) đến việc đúc lại quả chuông vào thời Nguyễn năm Tự Đức 7 (1854) thì ta có 280 năm. Nhưng không tính việc đúc lại chuông lần cuối mà chỉ tính văn bia đầu thời Lê - Mạc đến cuối thời Lê - Mạc (1574 - 1694) thì ta có thời gian 124 năm.

Trong quāng thời gian ấy đã có bao nhiêu biến cố bể dâu triệt phá lại dựng xây, rồi lại triệt phá lại tạo dựng... trên một ngôi chùa ở làng quê. Bi cực thái lai càng vùi xuống, càng dập đi để rồi sau lại dấy lên. Vì đó là vận hội, bởi non sông ta vẫn bền vững như âu vàng. Điều đó cũng nói lên tính kiên cố bền chắc và bất diệt của một di sản văn hóa của một cộng đồng làng xã và sự đấu tranh ngoan cường để bảo vệ nó của các thế hệ người trong cộng đồng đó trong tiến trình lịch sử.

Hầu hết các bài văn bia luôn nhấn đi nhấn lại đức tính từ bi, từ thiện, nhân ái, nhân nghĩa. Tên chùa Đại Bi ở thời đại nào cũng phải có nó vì nó là tim gan, là tai mắt.

- Nhà Phật lấy *từ bi* làm nền tảng cho mọi hành vi tốt đẹp của con người. Nhà Nho lấy *từ ái* làm hướng đạo cho con người đi tới điều thiện mỹ. Nhà Nho, nhà Phật, đã là kẻ quân tử thì ai ai cũng phải coi việc làm từ thiện là nghĩa cử. Đó là từ bi của Phật giáo và từ ái của Nho giáo. Từ bi, từ ái là việc làm nhân nghĩa của thời nhân nghĩa vua rủ áo buông tay trị vì đất nước, bế tời yên thân mà phụng sự,

cha từ con hiếu, anh nhường em để (anh nhường em kính), chồng hô vợ ứng (phu xướng phụ tùy). Kinh Phật nói rõ nghĩa lý giữa Nghĩa và Lễ là làm cho nghĩa tình bầu bạn anh em như muôn chim cùng hát, cùng bay, cùng hòa trong thánng ngày thanh bình vàng vạc trắng sao. Đúng là Đoàn phương Phật cốt huy hoàng lộng lẫy đáng coi là nơi pháp tướng tổ tông đến đây. Đó là sự hòa hợp ở chốn hương đảng, là quy củ mẫu mực của chốn rừng bô, của dòng Sa-di côi Phật. Làm việc thiện là âm công tất được dương báo. Đó là tâm khí trong thân thuộc, lòng người hoà thuận thì ý trời lòng đất cũng hòa thuận theo.

- Trong vòng 18 năm: tính từ bia năm Sùng Khang 9 (1574), bia năm Hưng Trị 1 (1588), bia năm Hưng Trị 2 (1589) đến bia năm Hồng Ninh 2 (1592) đã xuất hiện 4 tấm bia thời Mạc trong phạm vi một ngôi chùa làng quê. Điều đó, ở một mức độ nhất định đã nói lên rằng, vương triều nhà Mạc cũng là một triều đại sùng thịnh văn hóa (nói riêng về văn hóa).

Văn bia triều Mạc đã được Đinh Khắc Thuân nghiên cứu công phu với công trình khá thành công và đã có tiếng vang, nhan đề *Văn bia thời Mạc*. Trong đó ông đã thống kê tổng số 155 tấm bia hiện lưu giữ tại Viện Hán Nôm mà trước đây viện Viễn Đông Bác cổ đã sưu tầm. Đến nay chúng tôi phát hiện thêm 4 tấm nữa, âu cũng là một đóng góp rất nhỏ vào di sản văn bia quý giá của thời Mạc. Chắc rằng 155 tấm bia trước cộng với 4 tấm bia này cũng chưa phải con số cuối cùng của kho bia triều Mạc. Chúng ta phải sưu tầm và bổ sung./.